

NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG VỀ NHÂN LỰC CHỐNG CHỊU TRƯỚC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

NGUYỄN QUỐC HÙNG *

Tóm tắt: Bài viết phân tích tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu và hậu quả của nó đối với thế giới nói chung, nước ta nói riêng. Từ đó, tác giả làm rõ vai trò của truyền thông và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác truyền thông nhằm dự báo, ngăn ngừa từ xa để giảm thiểu hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu; truyền thông.

Đầu năm 2012, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, với 9 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu. Chương trình sẽ được thực hiện trên toàn quốc, trong 3 giai đoạn: từ năm 2009-2010 là giai đoạn khởi động; từ năm 2011-2015 là giai đoạn triển khai và sau năm 2015 là giai đoạn phát triển. Tổng vốn dự kiến từ năm 2009-2015 là 1.965 tỉ đồng. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, biến đổi khí hậu đã làm cho thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng khốc liệt. Dự báo, đến năm 2100, nhiệt độ trung bình có thể tăng thêm khoảng 3°C và mực nước biển dâng cao thêm 1m. Mực nước biển sẽ dâng cao từ 15 - 90 cm vào năm 2070. Một điều dễ nhận thấy của biến đổi khí hậu là nhiệt độ trái đất đang tăng lên. Theo GS.TSKH. Nguyễn Đức Ngủ, trong 70 năm qua, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam đã tăng lên 0,7°C và mực nước biển dâng cao thêm 20 cm. Nhiệt độ trung bình 4 thập kỷ gần đây (1961 - 2000), cao hơn 3 thập kỷ trước đó (1931 - 1960). Trong khi đó, các cơn bão có xu hướng dịch chuyển vào phía Nam và mùa bão cũng chuyển dần về cuối năm; nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan đã xuất hiện, gây hậu quả nặng nề về người và tài sản ở các địa phương trong cả nước. Tùy từng nước, hiện đã và đang ra sức xây dựng các kế hoạch ứng phó thích hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình. Tới nay,

cả thế giới hầu như đều thống nhất, rằng đối với thảm họa biến đổi khí hậu, không thể chống lại được vì khả năng hạn chế về tài chính, sức khỏe, trình độ khoa học - công nghệ... mà chỉ có thể cố gắng, hạn chế các nguyên nhân sinh ra trạng thái-hiện tượng biến đổi khí hậu, đồng thời ra sức nâng cao năng lực của chính mình, tìm cách chống chịu, ứng phó của con người trước biến đổi khí hậu...

1. Biến đổi khí hậu toàn cầu và các hậu quả

Trên thế giới hiện nay, đặc trưng nổi bật trong sự phát triển hiện đại, sự phát triển của cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, là phát triển diễn ra đồng thời cùng với sự biến đổi khí hậu. Sự biến đổi khí hậu biểu hiện ở nhiệt độ trái đất tăng lên. “*Báo cáo phát triển thế giới*” của ngân hàng thế giới (WB) năm 2010, về “*Phát triển và biến đổi khí hậu*” đã nhận xét, biến đổi khí hậu là sự biến đổi gây thảm họa lớn nhất cho sự sống nói chung trên trái đất và nói riêng đối với cuộc sống của loài người. Nếu đúng như vậy, dưới góc độ kinh tế, ở mọi quốc gia, trạng thái-hiện tượng biến đổi khí hậu đã, đang làm tăng chi phí của sản xuất và do đó, sẽ hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế, làm giảm sự ổn định và tiến bộ xã hội.

* TS. Nguyễn Quốc Hùng, Phòng Cơ cấu kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Biến đổi khí hậu có nội dung quyết định là nhiệt độ khí quyển tăng lên và tác động trực tiếp đến những quá trình sau:

1. Băng tan chảy dẫn đến nước biển dâng làm ngập sâu hơn các vùng trồng lúa của hai châu thổ đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng và các dải đồng bằng ven biển. Ngập nước sâu hơn có nghĩa là một diện tích lớn đất sản xuất nông nghiệp, sản xuất lương thực sẽ không trồng được lúa.
2. Nước biển dâng làm tăng đáng kể diện tích đất và nước bị nhiễm mặn ảnh hưởng đến năng suất lúa, nếu nhiễm mặn nặng, sản xuất lúa sẽ bị loại bỏ;
3. Nhiệt độ tăng làm thay đổi các đới vùng, ảnh hưởng đến sự thích nghi của sinh vật (cây trồng và vật nuôi), ảnh hưởng lớn đến sự sinh trưởng, phát triển của lúa; làm tăng hoạt động của sâu bệnh phá hoại lúa và hoa màu và gia tăng dịch bệnh đối với ngành chăn nuôi. Đây là những tác động làm giảm đáng kể năng suất lúa, các cây ngũ cốc, một khâu quyết định làm giảm sản lượng lúa nói riêng và của lương thực nói chung;
4. Biến đổi khí hậu làm tăng đáng kể lượng nước trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng cũng đồng thời, cùng với bão tố làm tăng sự bốc hơi nước, hậu quả là sự phá hoại của thiên nhiên đối với sản xuất nông nghiệp, sản xuất lương thực ngày càng trầm trọng. Trước những tác động nặng nề khôn lường của biến đổi khí hậu toàn cầu, các nước đã nhiều lần nhóm họp, tìm hiểu các nguyên nhân của biến đổi khí hậu toàn cầu (là mức gia tăng phát triển, đã làm tăng cao sự ô nhiễm các chất thải khí nhà kính) và tìm mọi phương cách để dần hạn chế và có thể loại trừ nguyên nhân của tình trạng này. Sau khi thống nhất ký công ước Kyodo năm 2007 về hạn chế ô nhiễm khí thải nhà kính ở Nhật Bản, tới nay nhiều phương cách đã được trao đổi, nhưng do nhiều nguyên do, các nước vẫn còn vướng mắc, chưa thống nhất

về công nghệ, khoa học kỹ thuật, cũng như về mức đóng góp, tài chính..., do vậy, tới nay chưa có giải pháp nào khả dĩ được thế giới chấp nhận, thông qua.

Đối với các nước đang phát triển, những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nặng nề nhất so với các nước đã có trình độ phát triển cao. Qua các thông tin đại chúng, chúng ta đều biết, rằng biến đổi khí hậu có tác động mạnh và trực tiếp đến môi trường sống của sinh vật, đến điều kiện cần thiết cho sản xuất nông nghiệp, do đó đến những người nông dân. Trạng thái biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ diễn ra ngày càng nghiêm trọng, có nhiều hậu quả rất đa dạng và phức tạp, trực tiếp tác động đến đời sống, sự sinh tồn của loài người... Điều đó biểu hiện qua các hậu quả rất rõ nét, như: 1. Mực nước biển dâng cao, làm ngập lụt, nhiễm mặn các tài nguyên đất, nước..., nhất là khi mực nước biển sẽ dâng cao tới trên 2 mét và hơn nữa..., 2. Gây ra nhiều bệnh mới phức tạp đối với sức khỏe con người và các bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi; 3. ảnh hưởng tới sản xuất, thu hoạch, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; 4. Là “môi lửa”, làm tăng nguy cơ chiến tranh; 5. Làm thay đổi tính quân bình, ổn định của thời tiết, thủy văn, gia tăng các rủi ro, thiên tai cực đoan, phá hủy đa dạng sinh học, do đó làm thay đổi quang cảnh của thế giới; 6. Nghiêm trọng nhất là biến đổi khí hậu còn đe dọa sẽ ảnh hưởng, làm mất đảm bảo an ninh lương thực; các tác động này không chỉ trực tiếp gây ảnh hưởng, liên quan với nhau, mà còn gián tiếp tác động, làm hơn một tỷ người trên thế giới bị thiếu đói, đây là mối đe dọa cực kỳ nguy hiểm cho giữ vững an ninh, đảm bảo hòa bình thế giới nói chung.

Việt Nam vốn là một nước nông nghiệp, dù tỷ trọng nông nghiệp hiện nay đã hạ thấp, nhưng vẫn còn khoảng 70% dân số sống ở nông thôn và dựa vào nông nghiệp,

vì vậy, biến đổi khí hậu trước hết ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, đến đời sống kinh tế của nông dân. Điều cần nhấn mạnh là, nông nghiệp Việt Nam vốn là nông nghiệp lúa nước, phần còn lại là nông nghiệp trên cạn, chủ yếu ở các cao nguyên, ở các đồi, các triền núi dốc. Đây là nền nông nghiệp sản xuất lương thực và cũng là dạng nông nghiệp dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Trong khi, biến đổi khí hậu có tác động mạnh và trực tiếp đến môi trường sống của sinh vật, đến điều kiện cần thiết cho sản xuất nông nghiệp, do đó ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và thu nhập của người nông dân, đến đời sống kinh tế của nông dân. Theo cảnh báo của IPCC (Ủy ban Liên quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc)⁽¹⁾, Việt Nam nằm trong danh sách một số ít quốc gia trên thế giới sẽ bị hứng chịu những hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất của các tác động từ biến đổi khí hậu. Liên hợp quốc đã xây dựng Bảng theo dõi lượng khí thải nhà kính của các nước. Đồng thời, Liên hợp quốc cũng xây dựng Bảng theo dõi mức tăng khí thải nhà kính, qua tình trạng thay đổi phát thải khí gas Emissions (1992-2007) ở một số nước, như: Ấn Độ: tăng (+103%), Trung Quốc tăng (+150), Mỹ tăng (+20%), Nhật Bản tăng (+11%), tính chung trên toàn cầu cũng đã tăng +38%, còn một số quốc gia khác, chỉ số này lại giảm xuống, như Đức (-17%), Vương quốc Anh giảm (-14%), hoặc Liên bang Nga cũng giảm (-20%)... Nguyên nhân chủ yếu là do các hoạt động phát triển kinh tế của con người đã tạo ra quá nhiều sự ô nhiễm, thoái hóa môi trường, trong đó có cả các chất *khí nhà kính chủ yếu*, như NH_3 , CO_2 , NO_x , CFC... đã gây ra *Hiệu ứng khí nhà kính*, đồng thời là nguyên nhân trực tiếp tạo ra hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu.

Các nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam đã khẳng định, chỉ có khoảng <20% nguyên nhân làm cho môi trường ô nhiễm và suy thoái là do tự nhiên. Phần còn lại khoảng >80% do nguyên nhân thuộc về những tác động tiêu cực của con người.

Nhiều nghiên cứu (và trong thực tế) trên thế giới, đã chỉ ra rằng, bên cạnh nguyên nhân do con người tạo nên (khoảng > 80%) thì chính sự tuần hoàn, vận động của tự nhiên cũng chỉ là một phần (khoảng <10%) trong quá trình hình thành nên biến đổi khí hậu, hay nói cách khác, không có con người cùng những hoạt động của con người, thì tự nhiên vẫn (đã, đang hoặc sẽ) xảy ra biến đổi khí hậu. Thực tế đã chứng minh, trạng thái này đã, đang và sẽ diễn ra ngày càng nghiêm trọng cùng với những hậu quả rất phức tạp, trực tiếp tác động đến đời sống và sự sinh tồn của loài người.

Chúng ta ghi nhớ điều này, không phải để lẩn tránh những *“lỗi lầm ấu trĩ”* từng mắc phải, hay thói quen coi nhẹ, thậm chí khinh thường những ảnh hưởng môi trường, trong khi chỉ cố gắng thuần túy phát triển kinh tế, hay làm giàu, ra sức tăng trưởng bằng mọi giá mà để tăng thấn và minh bạch hơn trong việc tìm tòi các khả năng có thể để phòng, ngăn chặn, hay chí ít là giảm nhẹ từ sớm các tác động *“khủng khiếp”* của tự nhiên. Những biến đổi khí hậu mà chúng ta đang quan

⁽¹⁾ Ủy ban Liên quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc do Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO) và Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc UNEP thành lập vào năm 1988, được gọi là Ủy ban Liên Chính phủ, vì thành viên chính thức của IPCC là các quốc gia thành viên của hai tổ chức trên và các nhà khoa học trong Ủy ban được những các đồng nghiệp làm việc cho Liên Hiệp Quốc tuyển chọn từ những quốc gia này. Hiện nay có 130 quốc gia tham gia IPCC. Đứng đầu cơ quan này, hiện giờ là nhà khoa học người Ấn Độ, ông Rajendra Pachauri, được đề cử từ năm 2002.

sát thấy như: thay đổi về thời tiết, nhiệt độ tăng tác động tiêu cực đến môi trường sống quen thuộc hàng ngàn năm của các hệ sinh thái, các thực và động vật, trong đó có con người. Có thể thấy rằng, hậu quả của biến đổi khí hậu trước hết sẽ tác động, ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp, trong đó sẽ có thể làm mất đảm bảo an ninh lương thực, là hệ lụy “*đáng sợ*” nhất, đứng đầu trong các hệ lụy, ảnh hưởng đối với tất cả mọi quốc gia trên thế giới.

2. Vai trò của truyền thông nhằm dự báo, ngăn ngừa từ xa để nâng cao sức chống chịu biến đổi khí hậu

Hiện nay chúng ta đang gặp phải vấn nạn nặng nề - là hệ quả tất yếu của hàng loạt vấn nạn suy thoái, ô nhiễm môi trường tạo nên. Đó chính là trạng thái-hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu, tức là hậu quả do nhiều quốc gia gây ra và tương tự, cũng trút lên đầu tất cả mọi quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, nếu nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng-trạng thái này chủ yếu là do sự phát triển của con người tại thiểu số các nước phát triển, thì những người nghèo, đang ở trong đa số các quốc gia trong nhóm các nước *đang phát triển* và các dân tộc thiểu số... lại là những quốc gia, những người phải gánh chịu các hậu quả, hệ lụy nặng nề nhất của hiện tượng-trạng thái biến đổi khí hậu toàn cầu. Dự báo của Ngân hàng thế giới (WB) và Ủy ban các quốc gia về phòng chống biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc (IPCC) đã đều xác định như vậy. Chúng ta không thể tự hỏi, *khi đã có Ủy ban “Phòng chống biến đổi khí hậu, chẳng lẽ có thể đề phòng và chống lại biến đổi khí hậu được chăng?”* Trước mắt có thể thấy, để làm được điều này cần có sức mạnh ghê gớm, sự nhất trí của cả thế giới và với những nguồn lực, kể cả nguồn lực tài chính không nhỏ... Song, lại không khó để thấy ngay được rằng, có thể và cần phải

làm mọi việc để sao cho có thể *giảm nhẹ* được hậu quả các tác động của biến đổi khí hậu, đó là điều cần thiết và cấp bách, tương tự và song hành với việc làm sao cho các hệ quả của biến đổi khí hậu được giảm nhẹ, con người phải sử dụng lý trí để tăng cường năng lực của mình *chống chịu* lại hậu quả các tác động của biến đổi khí hậu. Phát triển nguồn nhân lực chống chịu trước biến đổi khí hậu ở Việt Nam có vai trò rất quan trọng chỉ khi phát động đúng đắn nguồn nhân lực mới có thể tính tới khả năng ứng phó, thích nghi và chống chịu các ảnh hưởng của rủi ro, hậu quả của thiên tai do biến đổi khí hậu gây ra. Hiện nay, nguồn nhân lực chống chịu trước biến đổi khí hậu ở Việt Nam đã có nhưng hiểu biết về trạng thái-hiện tượng biến đổi khí hậu còn hạn chế. Hơn nữa lại cũng cần phải hiểu đúng, thật rõ mới cố gắng làm giảm nhẹ và ra sức thích nghi, ứng phó, chống chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, xây dựng giải pháp phù hợp để phát triển nguồn nhân lực như thế nào, cụ thể ra sao? Bởi vậy, trước hết cần phải xây dựng chiến lược quốc gia *“ứng phó với biến đổi khí hậu”*, đồng thời và sau đó, sẽ phân định, chia ra các bước thực thi theo độ dài thời gian, với các mức: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Tiếp theo và hơn nữa, trong tất cả các giai đoạn (chứ không chỉ trong một giai đoạn nhất định nào cả), ở các mức thời gian, dù ngắn hạn, trung hạn, hay dài hạn, đều cần tập trung giúp đỡ cộng đồng tăng cường gắn kết với nhau, giúp họ hiểu rõ sức mạnh của chính mình trong khối liên kết của cả cộng đồng, cũng như hiểu rõ những nguyên nhân đã hình thành và các hệ lụy, tác hại của biến đổi khí hậu để tìm ra các cách chống chịu, đề phòng và tránh khỏi những rủi ro từ thiên tai, bão tố, lụt lội... từ biến đổi khí hậu. Đồng thời, ngay trong các cấp chính quyền thời gian này, cần phải *cực kỳ chú trọng*

tối công tác truyền thông cho cả xã hội, cho tất cả các tầng lớp nhân dân, để họ không những biết, mà còn phải tìm hiểu rõ nguyên nhân (cả khách quan, cũng như chủ quan của con người) đã gây ra trạng thái biến đổi khí hậu toàn cầu. Từ những hiểu biết đó trong xã hội, trong mọi ngành, ở mọi địa phương, mới xây dựng nên sức mạnh, lòng quyết tâm, để tăng thêm nghị lực và dũng khí sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn lực tài chính và cả sức mạnh cơ bắp, không ngừng tăng cường mối liên kết của cả cộng đồng..., làm tăng cao các sức mạnh này, để đủ sức thích ứng và giảm thiểu, khắc phục các hệ lụy, rủi ro của thiên tai, biến đổi khí hậu gây ra.

Theo một số thông tin đại chúng, mặc dù có nhiều cố gắng của các cấp, từ trung ương, tới các bộ, ngành..., song sự hiểu biết của nhân dân về “*hiểm họa*” biến đổi khí hậu chỉ xấp xỉ 5% dân số, phần lớn người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn chưa thực sự hiểu rõ về biến đổi khí hậu. Hiện tại có rất ít những nghiên cứu về mức độ nhận thức hoặc thái độ đối với vấn đề biến đổi khí hậu của người dân Việt Nam, tuy nhiên có những lý do để chúng ta có thể nhận định rằng mức độ nhận thức nói chung vẫn còn thấp. Trong một cuộc khảo sát trên quy mô toàn cầu về “*mối quan tâm của chúng ta đối với hiện tượng ấm lên toàn cầu*”, Việt Nam là một trong những quốc gia ít lo lắng nhất về biến đổi khí hậu. Mặc dù ở Việt Nam hiện chưa có những khảo sát về kiến thức, thái độ và hành vi trên diện rộng về biến đổi khí hậu tính đến thời điểm này, tuy nhiên, một số những kết quả khảo sát định tính ở cấp địa phương, ví dụ như một nghiên cứu của Oxfam tại Bến Tre và Quảng Trị chỉ ra rằng: các chính quyền địa phương nhận thức chưa đầy đủ vấn đề biến đổi khí hậu và họ thiếu thông tin, phương pháp, công

cụ và kinh nghiệm để đối phó với nó. Theo điều tra của nhóm tư vấn tại Đại học nông lâm, tỉnh Thừa Thiên-Huế, tổng kết 120 phiếu trả lời của ngư dân tại 4 xã thuộc 2 huyện Phú Vang và Phú Lộc “*Nội dung tham vấn cộng đồng về xây dựng chiến lược truyền thông về biến đổi khí hậu trong khai thác và nuôi trồng thủy sản*” trong tháng 11 năm 2011, nhóm chuyên gia tư vấn⁽²⁾ có một số nhận xét sau:

Số người đã nghe/biết các thông tin về biến đổi khí hậu đạt 65% (78/120). Các phương tiện thông tin được sử dụng để nghe/biết các thông tin về biến đổi khí hậu của nhóm 78 ngư dân trên như sau (xếp theo thứ tự từ cao đến thấp):

- Đài truyền hình của tỉnh: 78 (100%)
- Đài truyền hình trung ương: 63 (80,8%)
- Đài Phát thanh của tỉnh: 54 (69,2%)
- Báo chí của tỉnh: 37 (47,4%)
- Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam: 30 (38,5%)
- Các lớp tập huấn về biến đổi khí hậu: 23 (29,5%)
- Phổ biến thông tin tại các cuộc họp của Hội, Đoàn thể, thôn/xóm: 18 (23,1%)
- Báo chí của trung ương: 14 (18,0%)
- Đài Phát thanh của thôn/xóm: 5 (6,4%)

Từ con số thống kê trên, ta thấy: ngư dân nghe/biết các thông tin về biến đổi khí hậu nhiều nhất qua đài truyền hình, sau đó là Đài phát thanh và báo in. Chỉ có 29,5% số người biết thông tin về biến đổi khí hậu qua các lớp tập huấn về biến đổi khí hậu, chúng tỏ số người được tham gia các lớp tập huấn về biến đổi khí hậu còn hạn chế. Điều thú vị ở đây là, số người biết thông tin về biến đổi khí hậu qua các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh (Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh, kể cả báo chí của tỉnh) chiếm tỷ lệ rất cao. Điều đó khẳng định vai trò quan trọng của

⁽²⁾ Trường Đại học Nông lâm tỉnh Thừa Thiên - Huế.

các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong nâng cao nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu.

Chú ý rằng, chính kinh nghiệm từ việc thực hiện truyền thông sai lầm, đã là cho nhận thức của người Mỹ bị sai lệch và trở nên lúng túng, với hậu quả suy nghĩ về *ngày tận thế*, hoặc trở nên lúng túng, hoang mang không còn tin vào khoa học... và điều này cũng đã được nhiều tổ chức NGO và bạn bè quốc tế nhắc nhở chúng ta. Một trong những bài học được thấy rõ nhất là để thành công trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và đề phòng - khắc phục các rủi ro, hậu quả thiên tai, chiến thắng trong nhiều “trận” giảm nhẹ thiên tai, phòng chống khắc phục lụt bão là Đảng và Nhà nước ta đã áp dụng, thực hiện truyền thông rộng rãi phương châm “*bốn tại chỗ*”, trên nền tảng này huy động được sức mạnh của cả địa phương và trung ương và sự hỗ trợ cả tinh thần và vật chất của các địa phương khác, hay các quốc gia bạn bè... mới có cơ sở để thực sự phát huy tác dụng phòng chống thiên tai một cách hiệu quả. Bài toán đặt ra cho chúng ta là làm thế nào để gia tăng các hoạt động tích cực và hạn chế đi đến không còn tác động tiêu cực của cộng đồng dân cư tới môi trường, hay ngược lại, giảm bớt hậu quả của các tác động từ biến đổi khí hậu tới cuộc sống, sản xuất của con người? Có nhiều giải pháp để giải bài toán đó như: chính trị, kinh tế, xã hội, truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm và lối sống thân thiện với môi trường; tập huấn nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng tham gia bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ; tổ chức phong trào thi đua yêu nước của quần chúng tham gia bảo vệ môi trường; xây dựng các mô hình cộng đồng tiên tiến tham gia bảo vệ môi trường; phối hợp giữa các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, thực thi sản

xuất sạch và sạch hơn và ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác quốc tế... trong số các giải pháp nêu trên thì việc *đẩy mạnh, tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm và lối sống thân thiện với môi trường cho cộng đồng dân cư* là giải pháp quan trọng hàng đầu. Bản thân việc giữ gìn, bảo tồn các hệ sinh thái - môi trường cũng chỉ được bảo đảm bằng bàn tay, khối óc của con người, mà chỉ qua truyền thông môi trường, mới duy trì và phát huy hiệu quả được.

Nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, do vậy cần tăng cường hơn nữa công tác truyền thông môi trường đến tất cả các cộng đồng dân cư, đây là yêu cầu khách quan và cấp thiết. Bởi vì, truyền thông là hoạt động tương tác xã hội hai chiều làm cho các cộng đồng dân cư hiểu biết về môi trường và biến đổi khí hậu. Theo quy luật thì từ nhận thức đến thái độ, hành vi phải trải qua một quá trình: người dân trong cộng đồng được biết, hiểu về môi trường và người dân có thái độ, hành vi sống thân thiện với môi trường; xây dựng thái độ, hành vi sống thân thiện với môi trường và có trách nhiệm tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Quá trình đi từ nhận thức đến hành động diễn ra lâu dài, do đó phải tiến hành công tác truyền thông một cách thường xuyên, liên tục và nhiều lần.

Trên thực tế, nhiều cộng đồng dân cư làm tốt công tác truyền thông, làm cho dân biết, dân hiểu, dân bàn và đã lôi kéo được đông đảo người dân tham gia vào phong trào, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Thực trạng công tác truyền thông môi trường ở Việt Nam trong nhiều năm qua đã thu được những kết quả thiết thực, làm cho nhiều cộng đồng hiểu biết về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, muốn để nhân dân tự giác, tự nguyện và tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cần phải tiến hành công tác truyền thông ở tất cả các cộng đồng dân cư. Do đó, trong thời gian tới, rất cần tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác truyền thông môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đến tất cả các cộng đồng dân cư ở Việt Nam. Phát huy vai trò của truyền thông trong xã hội, trước hết (đơn giản nhất) phải chăng là đối với các đoàn thể trong công tác truyền thông môi trường và cụ thể là truyền thông về những đề tài ứng phó, nâng cao năng lực chống, chịu trước các hậu quả và hệ lụy của biến đổi khí hậu?

Cần nhấn mạnh rằng, ở Việt Nam khác với các nước khác là cộng đồng dân cư nào cũng có những tổ chức đoàn thể. Theo tính chất hoạt động, các tổ chức đó được phân thành 3 nhóm: Tổ chức chính trị - xã hội; Tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Tổ chức xã hội - từ thiện - nhân đạo. Theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Nội vụ, ở Việt Nam hiện nay có khoảng 400 tổ chức phi chính phủ ở cấp trung ương, 5 nghìn ở cấp tỉnh/thành và 10 nghìn ở cấp cơ sở. Một đặc điểm nữa cũng cần lưu ý là các đối tượng sống trong cộng đồng có thể tham gia vào các đoàn thể khác nhau và một người có thể tham gia vào nhiều tổ chức chính trị - xã hội. Đứng trên góc độ làm công tác truyền thông môi trường có thể thấy, các đoàn thể ở Việt Nam đều tham gia vào công tác truyền thông môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó, có những tổ chức tiêu biểu như: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam... Các tổ chức này đã tham gia từ nhiều năm và góp phần không nhỏ vào việc nâng cao

nhận thức, xây dựng thái độ, hành vi của người dân đối với môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý và ghi nhớ rằng, công tác truyền thông của các đoàn thể còn bộc lộ những nhược điểm sau: Đối tượng công tác truyền thông còn hẹp. Phần lớn các tổ chức mới thực hiện công tác truyền thông đến các đối tượng ở những khu vực thuận lợi như: thành phố, vùng đồng bằng, trường học. Đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được tiếp cận với thông tin và công tác truyền thông; công tác truyền thông mới chỉ làm cho người dân biết mà chưa làm cho người dân hiểu một cách sâu sắc, đầy đủ những vấn đề thuộc về bản chất của môi trường và biến đổi khí hậu; sự hiểu biết của người dân chưa biến thành thái độ, hành vi sống thân thiện với môi trường và có ý thức trách nhiệm tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Mặt khác, đội ngũ cán bộ của các đoàn thể nhân dân chưa nhận thức đầy đủ, thiếu kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng tổ chức công tác truyền thông môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nội dung truyền thông còn nghèo, phần lớn nói đến những vấn đề chung mà chưa nêu được những vấn đề của từng cộng đồng và của từng địa phương, nội dung truyền thông còn thiếu những vấn đề thực tế và những vấn đề bức xúc cần có sự chung tay của cộng đồng cùng giải quyết. Phương thức truyền thông chủ yếu được thực hiện thông qua các hoạt động sự kiện, phong trào nhằm gây ấn tượng là chính mà chưa có các chiến lược, mục đích rõ ràng, hoặc phương thức phù hợp với từng đối tượng trong cộng đồng, nhất là các phương thức cho cộng đồng dân tộc thiểu số. Sự phối kết hợp và lồng ghép hoạt động truyền thông về môi trường của các đoàn thể nhân dân chưa đồng bộ, còn nặng về hình thức.

3. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông

Có thể nhận ra và nhanh chóng thực hiện một số giải pháp khả thi sau đây:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức về môi trường và biến đổi khí hậu cho đội ngũ cán bộ của các đoàn thể nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở và ưu tiên cho đội ngũ cán bộ công tác ở các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Thứ hai, tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng làm công tác truyền thông về môi trường và biến đổi khí hậu cho đội ngũ cán bộ của các đoàn thể nhân dân, trước hết, cần dựa vào hệ thống nhà trường, đầu tiên là các trường đại học làm cơ sở cho các cấp truyền thông môi trường tiếp theo, sau đó tới các nhóm chuyên sâu trong trường phổ thông (ở tất cả các cấp như phổ thông trung học, phổ thông cơ sở và cả Tiểu học. Cần tổ chức các lớp ngắn ngày và cần biên soạn tài liệu tập huấn để đội ngũ cán bộ của các tổ chức quần chúng nhân dân có thể tự học nâng cao năng lực làm công tác truyền thông. Tài liệu tập huấn có thể dịch ra tiếng của một số dân tộc như: Thái, Tày, Mường, Dao, Mông, Êđê, Khơ Me...

Thứ ba, biên soạn và xuất bản các tài liệu truyền thông cho các cộng đồng dân cư. Các tài liệu như tờ gấp, sách tranh lật, sách nhỏ, sách cảm nang, băng đĩa hình và đĩa tiếng... cũng nên biên tập và dịch ra tiếng một số dân tộc thiểu số cư trú đặc trưng ở một số vùng như: Thái, Tày, Nùng, Mường, Dao, Mông... (ở các tỉnh miền núi phía bắc), Gia Rai, Ba Na, Ê Đê, Khơ Me... (ở các tỉnh vùng Tây Nguyên hoặc các địa phương phía Nam).

Thứ tư, phối hợp và lồng ghép các hoạt động truyền thông của các đoàn thể nhân dân về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng dân cư.

Thứ năm, để thống nhất và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông môi trường

và ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần quyết định công nhận Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam là đầu mối - có trách nhiệm tham mưu cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về chiến lược truyền thông, nội dung, phương thức, đối tượng và kết nối các đoàn thể nhân dân trong thực hiện truyền thông môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, cần nhận rõ, đây là một hoạt động xã hội, không vụ lợi, phi lợi nhuận, nhưng lại rất cần sự ủng hộ của các tổ chức chính quyền, cũng như các đoàn thể. Về phía những người thực hiện, đòi hỏi không chỉ khả năng nhận thức, hiểu biết các tri thức về môi trường, bảo vệ môi trường, nguyên nhân, các hậu quả... của biến đổi khí hậu và có mục đích, động cơ hoạt động truyền thông môi trường rõ ràng, trong sáng, không được đan xen những động cơ cá nhân./.

DANH MỤC CÁC SÁCH THAM KHẢO

1. Ngân hàng thế giới (WB) năm 2010, *Báo cáo phát triển thế giới*.
2. Kevin Watkins, thuộc Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), 2009, *Báo cáo phát triển con người 2007/2008 - Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu: đoàn kết nhân loại trong một thế giới phân cách*.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2008. *Chương trình Mục tiêu Quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu*.
4. Nguyễn Đức Ngữ (chủ biên), 2008. *Biến đổi khí hậu*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
5. Phạm Đức Thi, 2011 (tại Hội thảo “phát triển bền vững ở Việt Nam và vai trò của cộng đồng” ngày 18 tháng 7 tại Hà Nội). Chiến lược truyền thông trong cộng đồng ngư dân tỉnh Thừa Thiên - Huế về các tác động của biến đổi khí hậu (Ban Biến đổi khí hậu của VACNE) trong Tọa đàm về Phát triển bền vững ở Việt Nam và vai trò của Cộng đồng.